

Bản án số: 162/2021/HN&GD-ST

Ngày 09/6/2021.

V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm.

Bà Đỗ Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1947. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khôi 2, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, bản tự khai ngày 05/3/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Ngọc M như sau:

Về Hôn nhân: Tôi (M) và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1971 không đăng ký kết hôn, sau đó tôi đi bộ đội, năm 1977 về nghỉ tại quê nhà ở xã T. Đến năm 1990 tôi và bà Đ có mâu thuẫn, không sống chung với nhau nữa, tôi vào sống tại thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An với người phụ nữ khác. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Đ.

Về con: Tôi và bà Đ có 05 người con chung gồm Lê Thị L, sinh năm 1973; Lê Ngọc T, sinh năm 1981; Lê Thị N, sinh năm 1982; Lê Văn S, sinh năm 1982 và Lê Thị Vân A, sinh năm 1987. Hiện nay các con đã có gia đình và nơi ở riêng, nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tôi và bà Đ có 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn T, xã T, huyện H. Thửa thứ nhất là thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² tại thôn T, xã T, huyện H, đứng tên người sử dụng đất Ông Lê Ngọc M. Thửa thứ hai là thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H, đứng tên người sử dụng đất Bà Nguyễn Thị Đ.

Nay ly hôn chúng tôi đã thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chúng tôi cụ thể như sau: Tôi (Lê Ngọc M) được quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² tại thôn T, xã T, huyện H; bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H.

Trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ như sau:

Tôi và ông M lấy nhau từ năm 1971, có đăng ký kết hôn tại xã Th. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng sống hòa thuận, ông M đi bộ đội, năm 1977 về chế độ; vợ chồng chung sống với nhau cho đến năm 1989 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M có quan hệ với người đàn bà khác và năm 1990 vợ chồng tôi sống ly thân cho đến nay. Nay ông M làm đơn ly hôn tôi, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với ông M.

Về con: Vợ chồng có 05 người con chung gồm Lê Thị L, sinh năm 1973; Lê Ngọc T, sinh năm 1981; Lê Thị N, sinh năm 1982; Lê Văn S, sinh năm 1982 và Lê Thị Vân A, sinh năm 1987. Hiện nay các con đã có gia đình và nơi ở riêng, nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tôi đồng ý với ý kiến ông M, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chúng tôi là ông Lê Ngọc M được quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² tại thôn T, xã T, huyện H; tôi (Nguyễn Thị Đ) được quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2021: Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính năm 1996 xã T, diện tích là 332,0m² tương ứng với thửa 101 tờ bản đồ số 33 bản đồ đo đạc xã T lập năm 2015. Chủ sử dụng là ông Lê Ngọc M (đã được đính chính lại là ông Lê Ngọc M). Tứ cận: Phía Bắc giáp hộ ông Trương Tiến K; phía Nam giáp tỉnh lộ 510B; phía Đông giáp ngõ xóm; phía Tây giáp thửa 102 bà Nguyễn Thị Đ. Trên thửa đất gồm có 01 nhà mái bằng; bếp và công trình phụ; 01 giếng nước.

Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính năm 1996 xã T, diện tích là 291,0 m²

tương ứng với thửa 102 tờ bản đồ số 33 bản đồ đo đạc xã T lập năm 2015. Chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Đ. Tứ cận: Phía Bắc giáp hộ bà Lê Thị Đ; phía Nam giáp tỉnh lộ 510 B; phía Đông giáp thửa 101 ông Lê Ngọc M; phía Tây giáp ngõ xóm. Trên thửa đất gồm có 01 nhà cấp 4 đang xây dở.

Theo biên bản xác minh ngày 12/5/2021 với Ủy ban nhân dân xã Th: Theo bà Đ khai năm 1971 bà và ông M kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại xã Th. Qua xác minh thì thời điểm từ năm 1970 đến năm 1980 không còn sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn tại xã Th, do đó không có cơ sở để xác định ông M và bà Đ có đăng ký kết hôn hay không.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Lê Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Đ nhất trí với việc khởi kiện ly hôn của ông M, đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về chia hai thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Công nhận hôn nhân giữa ông Lê Ngọc M và bà Nguyễn Thị Đ là hôn nhân thực tế; công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M và bà Đ; về con chung đã thành niên, không giải quyết; về tài sản công nhận thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² và thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H là tài sản chung của vợ chồng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về tài sản của ông bà là ông Lê Ngọc M được quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² và tài sản gắn liền trên đất; bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² và tài sản gắn liền trên đất tại thôn T, xã T, huyện H.

Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông M theo quy định của pháp luật; ông M và bà Đ không phải chịu án phí dân sự về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc M và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1971 và có với nhau 05 người con chung. Theo ông M trình bày thì ông và bà Đ sống chung

không đăng ký kết hôn; bà Đ trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại xã Th, theo kết quả xác minh tại địa phương do thời gian ông bà kết hôn từ năm 1971, đến nay không còn sổ lưu trữ nên không có căn cứ xác định ông bà có đăng ký kết hôn hay không. Tuy nhiên ông M và bà Đ đều khai là kết hôn năm 1971 và chung sống với nhau đến năm 1990, như vậy hôn nhân của ông M và bà Đ được xác lập từ trước ngày 03/01/1987, nên được công nhận là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và việc yêu cầu ly hôn của ông M được giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Ông M và bà Đ chung sống với nhau đến năm 1990 thì có mâu thuẫn, bà Đ tiếp tục sống ở xã T, ông M vào sinh sống ở thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An với người phụ nữ khác, hai bên không có quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Nay ông M làm đơn ly hôn, bà Đ đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn, từ lâu hai bên không có quan tâm đến nhau, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Ngọc M và bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[2] Về con: Ông M và bà Đ có 05 người con chung gồm Lê Thị L, sinh năm 1973; Lê Ngọc T, sinh năm 1981; Lê Thị N, sinh năm 1982; Lê Văn S, sinh năm 1982 và Lê Thị Vân A, sinh năm 1987, hiện nay các con đã trưởng thành, có gia đình và nơi ở riêng, đều có khả năng lao động và hai bên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản: Ông M và bà Đ có 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn T, xã T, huyện H. Thửa thứ nhất là thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² tại thôn T, xã T, huyện H, tên người sử dụng đất ông Lê Ngọc M (đã được đăng ký biến động từ sổ hộ khẩu thành sổ CMND của ông Lê Ngọc M “180088270”, địa chỉ thường trú: “khối 2, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An” ngày 08/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H; đính chính thông tin chủ sử dụng đất từ “Lê Ngọc M, sinh năm 1952” thành “Lê Ngọc M, sinh năm 1947” ngày 09/4/2021 của UBND huyện H), số phát hành GCN: AC 0721..., số vào sổ cấp GCN: H 001.... Thửa thứ hai là thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H, tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Đ, số phát hành GCN: AL 202..., số vào sổ cấp GCN: H 008... .

Ông M và bà Đ thỏa thuận chia hai thửa đất trên, mỗi người được quyền sử dụng một thửa và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà. Xét thấy các thửa số 147 tờ bản đồ 09 và thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 tại thôn T, xã T, huyện H là quyền sử dụng hợp pháp của ông M và bà Đ, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận trên của ông M và bà Đ là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận sự thỏa thuận là ông Lê Ngọc M được quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 diện tích là 332m² tại thôn T, xã T, huyện H; bà

Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 diện tích là 291m² tại thôn T, xã T, huyện H và các tài sản gắn liền với đất.

[4] Về án phí: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1947 là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm; về tài sản hai bên tự thỏa thuận trước khi Tòa án hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận đó nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Ngọc M và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về con: Đã thành niên và hai bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận và ghi nhận sự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung như sau:

Ông Lê Ngọc M được quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ 09 (E_48_08_189_c), diện tích 332m², địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã T, huyện H; tên người sử dụng đất ông Lê Ngọc M (đã được đăng ký biến động từ sổ hộ khẩu thành sổ CMND của ông Lê Ngọc M “180088270”, địa chỉ thường trú: “khối 2, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An” ngày 08/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H; đính chính thông tin chủ sử dụng đất từ “Lê Ngọc M, sinh năm 1952” thành “Lê Ngọc M, sinh năm 1947” ngày 09/4/2021 của UBND huyện H), số phát hành GCN: AC 0721..., số vào sổ cấp GCN: H 001... và được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng; bếp và công trình phụ; 01 giếng nước.

Bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 148 tờ bản đồ 09 (E_48_08_189_c) diện tích là 291m², địa chỉ thửa đất: thôn T, xã T, huyện H; tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Đ, số

phát hành GCN: AL 202..., số vào sổ cấp GCN: H 008... và được quyền sở hữu tài sản trên đất 01 nhà cấp 4 đang xây dở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Lê Ngọc M; ông Lê Ngọc M và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự về phần tài sản.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết; bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng